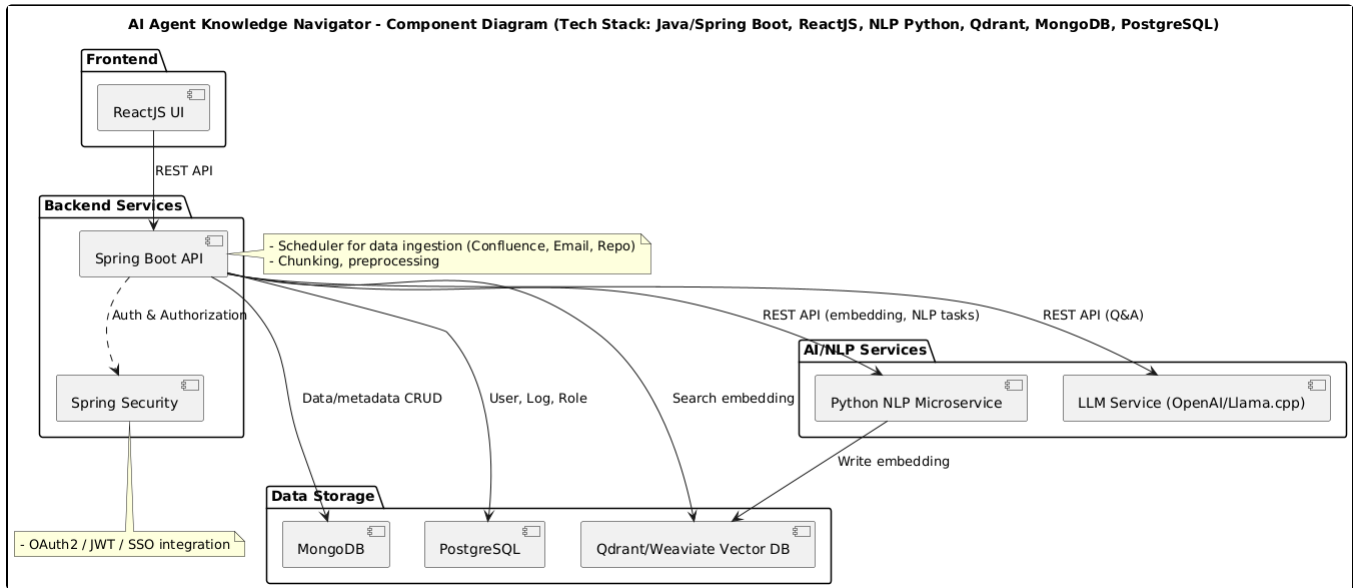


03. Reviewing - Architecture design

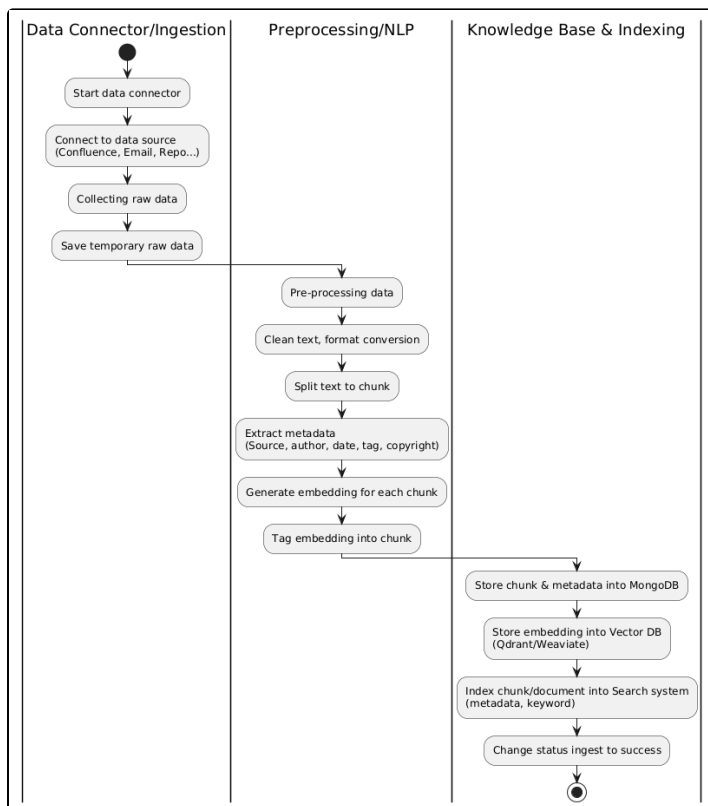
1. Overall architecture



Component	Recommended Technology	Reason for choosing
Data Connector /Ingestion	Spring Boot, Java	Easy to integrate API, schedule tasks, easy to maintain with familiar teams.
Preprocessing/NLP	Java (Stanford CoreNLP, OpenNLP) hoặc Python (spaCy)	Java can be used for basic processing; if advanced NLP is needed, Python microservices can be integrated using spaCy/transformers.
Knowledge Base (Vector Search)	MongoDB + PostgreSQL	MongoDB stores document chunks & metadata; PostgreSQL stores permissions, logs.
	Qdrant or Weaviate (Docker Compose)	Vector DB can run standalone using Docker, exposing API for Java.
Q&A AI Agent /Backend	Spring Boot, Java	Build query processing APIs, call out NLP/LLM services.
LLM Q&A Service	OpenAI API hoặc Llama.cpp (docker, local)	OpenAI API is easy to integrate with Java via REST; Llama.cpp if needed to run locally, connect via API.
Frontend	ReactJS	Experienced team, easy to develop modern UI, backend API connection.
Auth & Security	Spring Security, OAuth2/JWT	Easy to deploy authentication, user authorization, and integrate SSO if needed.
Deployment & Orchestration	Docker Compose	Easily develop, test, package, deploy the entire stack.

2. Processing flow and integration

2.1. Data ingestion



2.1.1. Data Connector/Ingestion

- Building Spring Boot Service to collect data from Confluence, Email, Git repo via API, saved to MongoDB.
- Schedule with Spring Scheduler or Quartz to automatically sync data.

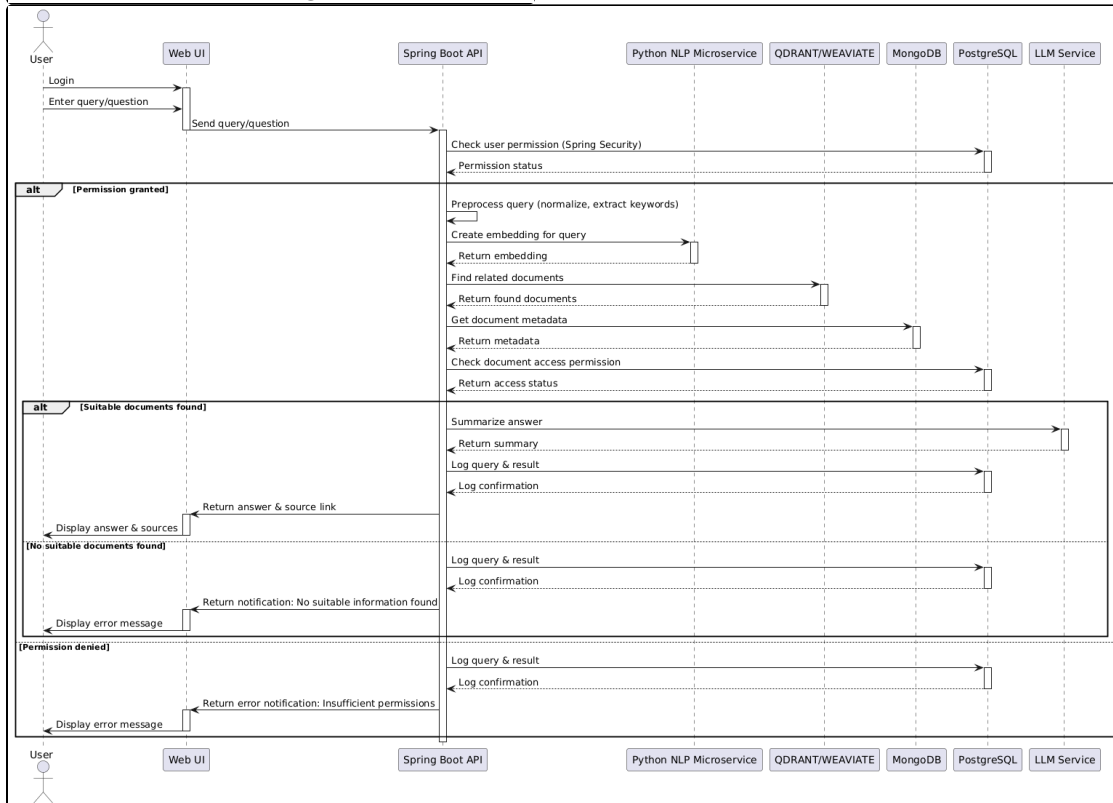
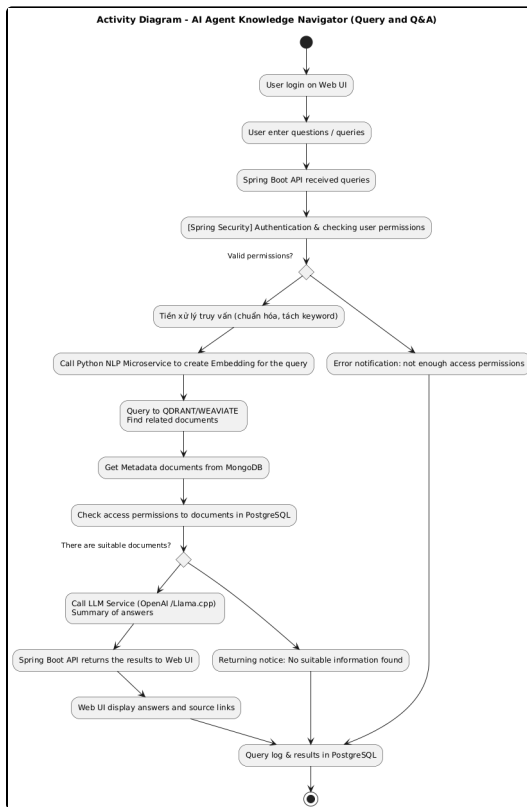
2.1.2. Preprocessing/NLP

- Use NLP Java libraries (Stanford CoreNlp, OpenNLP) to clean, separate, identify keywords.
- If you need Embedding semantic, build a Python Microservice (Spacy, Sentence Transformers) Expose Rest API, Java calls to Embedding.

2.1.3. Knowledge Base & Indexing

- Save raw data and metadata to MongoDB.
- Save embedding to Qdrant or Weaviate (vector DB), deploy via Docker Compose, expose API for Spring Boot backend to query semantic search.
- PostgreSQL is used to store user information, authorization, and query logs.

2.2. Query and Q&A



Another diagram (swimlane style)

-
- ```

graph TD
 subgraph User
 Start(()) --> Login[Log in via Web UI]
 Login --> Enter[Enter question/query]
 end

 subgraph Web_UI [Web UI]
 Enter --> Receive[Receive query]
 Receive --> Send[Send query to Spring Boot API]
 Send --> Display[Display response]
 end

 subgraph Spring_Boot_API [Spring Boot API]
 Send --> Auth[Authenticate via Spring Security]
 Auth --> Authorized{Authorized?}
 Authorized -- YES --> Preprocess[Preprocess query (normalize, extract keywords)]
 Authorized -- NO --> ReturnPerm[Return "insufficient permission"]
 Preprocess --> Accessible{Docs accessible?}
 Accessible -- YES --> ReturnSources[Return answer and sources]
 Accessible -- NO --> ReturnInfo[Return "No matching information found"]
 end

 subgraph NLP_Microservices [NLP Microservices]
 ReturnPerm --> GenerateEmbed[Generate embedding for query]
 ReturnInfo --> GenerateEmbed
 end

 subgraph Qdrant_Weaviate [Qdrant/Weaviate]
 GenerateEmbed --> SemanticSearch[Semantic search for relevant documents]
 end

 subgraph MongoDB
 SemanticSearch --> RetrieveMeta[Retrieve document metadata]
 end

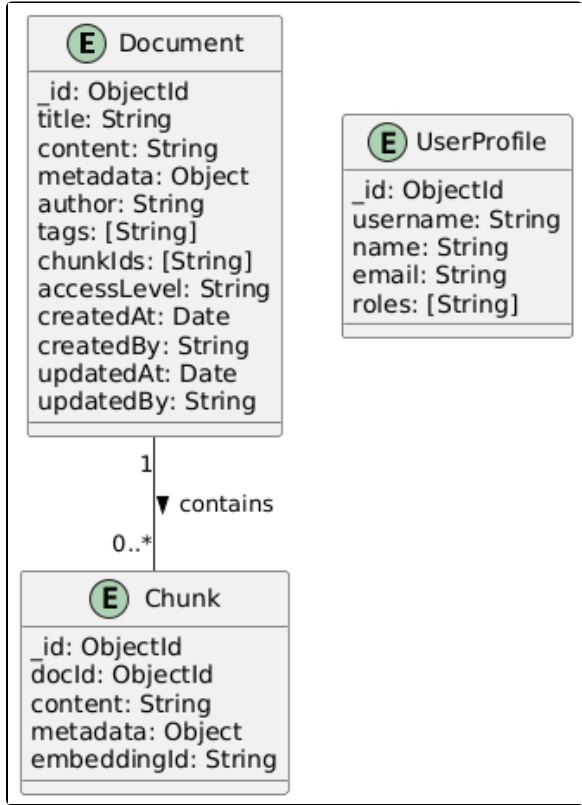
 subgraph PostgreSQL
 RetrieveMeta --> CheckPerm[Check document access permissions]
 end

 subgraph LLM_Service [LLM Service]
 CheckPerm --> Summarize[Summarize and generate answer]
 end

 Summarize --> AsyncLog[Async log query & result]
 AsyncLog --> Display
 ReturnSources --> Display
 ReturnInfo --> Display
 ReturnPerm --> Display

```

3.1. MongoDB



- **Document:** Store raw document information, metadata, tags, chunk lists.

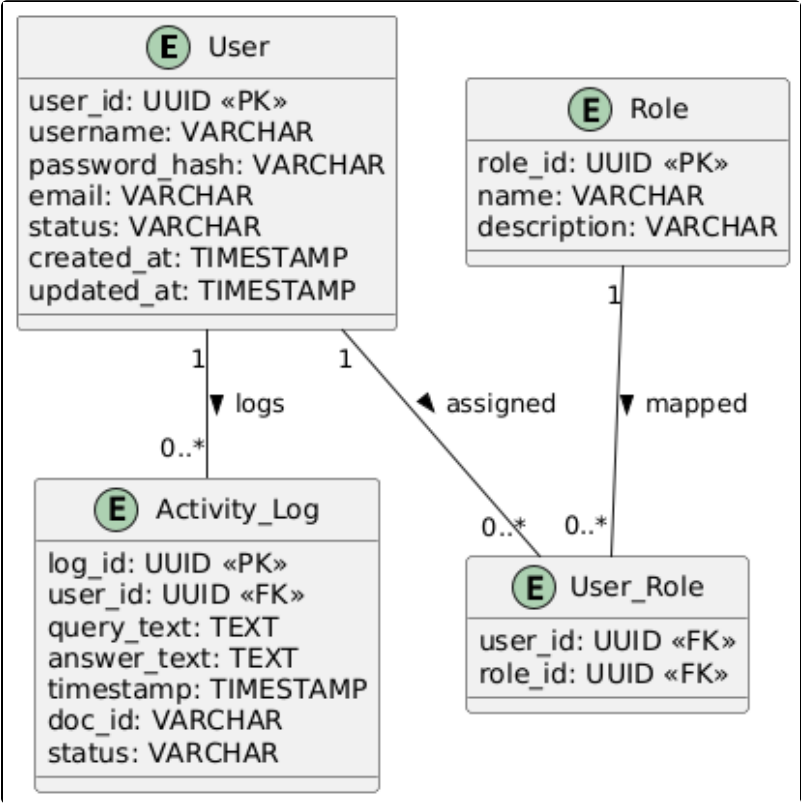
| Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu  | Mô tả                                       |
|-------------|---------------|---------------------------------------------|
| _id         | ObjectId      | Định danh duy nhất cho document             |
| title       | String        | Tiêu đề tài liệu                            |
| content     | String        | Nội dung gốc của document                   |
| metadata    | Object        | Thông tin phụ trợ (nguồn, ngày tạo, tag...) |
| tags        | Array[String] | Các nhãn phân loại tài liệu                 |
| chunkList   | Array[Object] | Danh sách các chunk thuộc document          |
| accessLevel | String        | Mức phân quyền truy cập tài liệu            |
| createdAt   | Date          | Thời gian tạo tài liệu                      |
| updatedAt   | Date          | Thời gian cập nhật tài liệu                 |

- **Chunk:** The small document fragment, associated with the document, has an embeddingId.

| Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                              |
|-------------|--------------|------------------------------------|
| _id         | ObjectId     | Định danh duy nhất cho chunk       |
| documentId  | ObjectId     | Liên kết đến document gốc          |
| content     | String       | Nội dung đoạn nhỏ                  |
| metadata    | Object       | Thông tin phụ trợ về chunk         |
| embeddingId | String       | Liên kết embedding trong Vector DB |

- **UserProfile:** User information, roles.

3.2. PostgreSQL



- **User:** Login information, email, status.

| Thuộc tính    | Kiểu dữ liệu | Mô tả                   |
|---------------|--------------|-------------------------|
| id            | UUID         | Định danh người dùng    |
| username      | VARCHAR      | Tên đăng nhập           |
| email         | VARCHAR      | Email người dùng        |
| password_hash | VARCHAR      | Mật khẩu đã mã hóa      |
| status        | VARCHAR      | Trạng thái tài khoản    |
| created_at    | TIMESTAMP    | Ngày tạo tài khoản      |
| updated_at    | TIMESTAMP    | Ngày cập nhật tài khoản |

- **Role:** Admin, Developer, Viewer ...

| Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                     |
|-------------|--------------|-------------------------------------------|
| id          | UUID         | Định danh vai trò                         |
| name        | VARCHAR      | Tên vai trò (admin, viewer, developer...) |
| description | VARCHAR      | Mô tả vai trò                             |

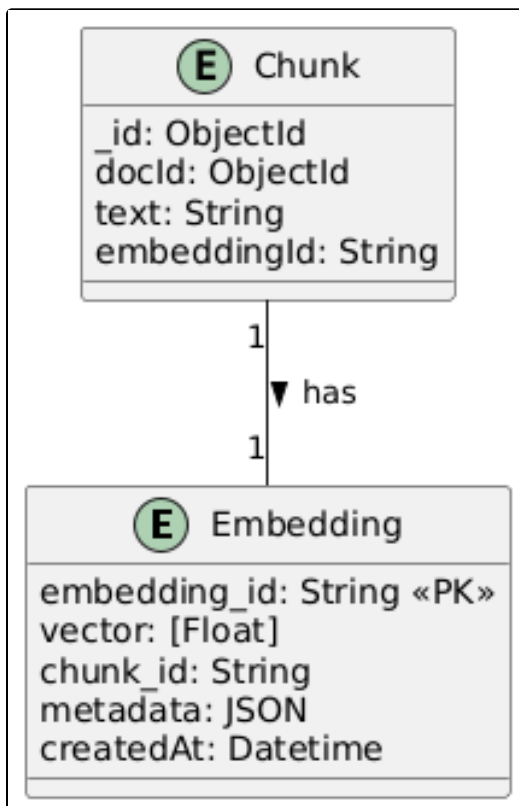
- **User\_Role:** Many-to-many relationship between User & Role.

| Thuộc tính | Kiểu dữ liệu | Mô tả                  |
|------------|--------------|------------------------|
| user_id    | UUID         | Liên kết tới bảng User |
| role_id    | UUID         | Liên kết tới bảng Role |

- **Activity\_Log:** Save query history, answer results, documents.

| Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                           |
|-------------|--------------|---------------------------------|
| id          | UUID         | Định danh log                   |
| user_id     | UUID         | Người thực hiện truy vấn        |
| query_text  | TEXT         | Nội dung truy vấn               |
| answer_text | TEXT         | Kết quả trả về                  |
| document_id | UUID         | Liên kết tới document (nếu có)  |
| timestamp   | TIMESTAMP    | Thời gian thực hiện             |
| status      | VARCHAR      | Trạng thái (thành công, lỗi...) |

### 3.3. Vector DB (Qdrant/Weaviate)



- **Embedding:** Store vector embeddings for semantic search, associated with chunk/document, metadata.

| Thuộc tính  | Kiểu dữ liệu | Mô tả                                |
|-------------|--------------|--------------------------------------|
| embeddingId | String       | Định danh embedding                  |
| vector      | Array[float] | Dữ liệu vector dùng cho tìm kiếm     |
| chunk_id    | String       | Liên kết tới chunk/document gốc      |
| metadata    | Object       | Thông tin phụ trợ (nguồn, vị trí...) |
| createdAt   | DateTime     | Thời gian tạo embedding              |